

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày 11-12-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Duy Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là S); trụ sở: Số đường N, phường, quận, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

- Bà Nguyễn Đức Thạch D, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc);

- Ông Nguyễn Quang T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3905/2019/GUQ-PL ngày 16-12-2019);

- Ông Nguyễn Quang T ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Minh K; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q (Văn bản ủy quyền số 154a/2020/GUQ-QNI ngày 14-9-2020). Có mặt.

**2. Bị đơn:**

- Ông Ngô Như T, sinh năm 1966; vắng mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Ngô Như T, sinh năm 1991; vắng mặt.

- Ông Ngô Như B, sinh năm 1966; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18-02-2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Minh K đại diện trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Q – Phòng giao dịch H và ông Ngô Như T, bà Trần Thị H có ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-8-2019, số tiền cho vay là 450.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh-mua bán thủy hải sản; thời hạn vay 12 tháng; phương thức trả nợ gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng; lãi suất 03 tháng đầu 11,5%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi sau của S cộng biên độ 4.5%/năm và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Ngoài ra, ngày 12-9-2018 giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Q – Phòng giao dịch H và bà Trần Thị H còn ký kết 01 Hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các hợp đồng nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 758, tờ bản đồ số 1, diện tích 212m<sup>2</sup> tại thôn P, xã N, thành phố Q đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AP 865912, số vào sổ cấp GCN: H01115 ngày 16-10-2009 cho ông Ngô Như T và bà Trần Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317 ngày 24-5-2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-01 ngày 06-8-2018 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-02 ngày 05-8-2019 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh Q-Phòng giao dịch H với ông Ngô Như T và bà Trần Thị H. Việc thế chấp tài sản trên đã được Văn phòng công chứng P công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố Q.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh Q-Phòng giao dịch H đã giải ngân cho ông Ngô Như T và bà Trần Thị H đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nói trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, ông T và bà H thường xuyên vi phạm hợp đồng, việc trả nợ cho S thường trễ hạn. Đến nay ông T và bà H không còn khả năng trả nợ cho S. S đã chủ động liên hệ với ông T và bà H để bàn về hướng xử lý khoản nợ trước khi chuyển nợ quá hạn, cũng như sau khi phát sinh nợ quá hạn. Ông T và bà H có nhiều lần cam kết trả nợ cho S nhưng đến nay vẫn không thực hiện đúng như cam kết.

Tính đến ngày 11-12-2020, ông Ngô Như T và bà Trần Thị H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 544.256.868 đồng. Trong đó:

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-8-2019 là 521.528.155 đồng, trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 42.771.036 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.757.119 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 12-9-2018 là 22.728.713 đồng, trong đó nợ gốc là 16.878.382 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.850.331 đồng.

S yêu cầu giải quyết buộc ông T và bà H phải thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng nêu trên cho S và yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho S. Trường hợp ông T và bà H không trả nợ thì S yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký để S thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì S yêu cầu ông T và bà H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ cho S.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25-6-2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị H trình bày:* Vào ngày 05-8-2019 bà và ông Ngô Như T có ký Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 vay của Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Q – Phòng giao dịch H số tiền 450.000.000 đồng và ngày 12-9-2018 bà có ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng. Bà và ông T đồng ý trả cho S tổng số tiền nợ gốc, lãi và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-8-2019 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 12-9-2018; thống nhất tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Trường hợp bà và ông T không trả được nợ thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 758, tờ bản đồ số 1, diện tích 212m<sup>2</sup> tại thôn P, xã N, thành phố Q đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AP 865912, số vào sổ cấp GCN: H01115 ngày 16-10-2009 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317 ngày 24-5-2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-01 ngày 06-8-2018 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-02 ngày 05-8-2019 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh Q-Phòng giao dịch H với bà và ông T để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà và ông T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ cho S.

*\* Bị đơn là ông Ngô Như T không có lời trình bày.*

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Như T1 và ông Ngô Như B không có lời trình bày:*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 147, 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 351, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S buộc ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho S số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-8-2019 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 12-9-2018 tạm tính đến ngày 11-12-2020 là 544.256.868 đồng, đồng thời tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ ngày 12-12-2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho S.

+ Trường hợp ông Ngô Như T và bà Trần Thị H không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các Hợp đồng thế chấp và sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết có công chứng, chứng thực. Sau khi xử lý tại sản thế chấp không đủ trả nợ ông T, bà H tiếp tục trả nợ cho S đến khi hết nợ.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và S đã nộp tiền tạm ứng chi phí xong. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho S.

+ Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 11.688.000 đồng cho S theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0003435 ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Ngô Như T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Như T1 và ông Ngô Như B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Như T, anh Ngô Như T1 và ông Ngô Như B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của S về việc yêu cầu ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo trình bày của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa S-Chi nhánh Q-Phòng giao dịch H và ông Ngô Như T, bà Trần Thị H có ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-

8-2019, số tiền cho vay là 450.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng và bà Trần Thị H ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 12-9-2018 hạn mức là 20.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 10-8-2019 S- Chi nhánh Q – Phòng giao dịch H đã giải ngân cho ông Ngô Như T và bà Trần Thị H nhận đủ số tiền vay là 450.000.000 đồng; đối với Hợp đồng cấp thẻ tín dụng bà Trần Thị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21.000.000 đồng. Trong quá trình trả nợ vay, ông Ngô Như T và bà Trần Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11-12-2020) ông Ngô Như T và bà Trần Thị H còn nợ S tổng số tiền là 544.256.868 đồng. Trong đó:

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-8-2019 là 521.528.155 đồng, trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 42.771.036 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.757.119 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 12-9-2018 là 22.728.713 đồng, trong đó nợ gốc là 16.878.382 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.850.331 đồng.

Do đó, S yêu cầu ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải thanh toán cho S số tiền nợ trên (tính đến ngày 11-12-2020) cùng lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký cho đến khi trả xong các khoản nợ nên căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của S.

[2.2] Xét yêu cầu của S về xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Để đảm bảo các khoản vay nêu trên, ngày 24-5-2016 S - Chi nhánh Q - Phòng giao dịch H và ông Ngô Như T, bà Trần Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317 ngày 24-5-2016; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-01 ngày 06-8-2018 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-02 ngày 05-8-2019 đối với thửa đất số 758, tờ bản đồ số 1, diện tích 212m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn P, xã N, thành phố Q đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AP 865912, sổ vào sổ cấp GCN: H01115 ngày 16-10-2009 cho ông Ngô Như T và bà Trần Thị H. Việc thế chấp tài sản trên đã được Văn phòng công chứng P công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố Q ngày 24-5-2016. Do đó, hợp đồng thế chấp nêu trên giữa S- Chi nhánh Q – Phòng giao dịch H với ông Ngô Như T và bà Trần Thị H đã có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp:

[2.3.1] *Tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317 ngày 24-5-2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-01 ngày 06-8-2018 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-02 ngày 05-8-2019 quy định: “Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm: Toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với bên nhận thế chấp được quy định tại Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-8-2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký*

ngày 12-9-2018 được ký kết giữa S và bên vay và các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có”.

[2.3.2] Ngoài ra tại phần cam kết trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa S-Chi nhánh Q với bà Trần Thị H có quy định: “*Trường hợp tôi được S cấp tín dụng dưới bất kỳ hình thức nào (tại bất kỳ thời điểm nào) và có nghĩa vụ bảo đảm của tài sản đó đương nhiên bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ*”.

[2.3.3] Tại cam kết thế chấp ngày 10-8-2019 ông Ngô Như T và bà Trần Thị H xác định tài sản thế chấp là toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 758, tờ bản đồ số 1, diện tích 212m<sup>2</sup> tại thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Việc các bên thỏa thuận như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24-6-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thì tài sản gắn liền với thửa đất số 758, tờ bản đồ số 1, xã N, thành phố Q gồm: 01 (một) ngôi nhà cấp IV có cấu trúc móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tole, xà gồ gỗ, nền lát gạch men, cửa gỗ của ông Ngô Như T và bà Trần Thị H và 01 cây ổi trồng trên đất. Ngoài ra, trên đất không có vật kiến trúc hoặc cây trồng gì khác.

[2.3.4] Do đó, trường hợp ông Ngô Như T và bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-8-2019 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng 12-9-2018 thì S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317 ngày 24-5-2016; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-01 ngày 06-8-2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-02 ngày 05-8-2019 và cam kết thế chấp ngày 10-8-2019 để thu hồi nợ.

[3] Đối với bị đơn là ông Ngô Như T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Như T1 và ông Ngô Như B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[5] Về chi phí phí tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải chịu nhưng S đã tạm ứng và chi phí xong nên buộc ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải hoàn trả cho S số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[6] Về án phí: Ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải chịu 25.770.000 đồng [20.000.000đ + (544.256.868đ–400.000.000đ) x 4%] tiền án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

S không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, 317, 318, 320, 322 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

### 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Buộc ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 544.256.868đ (Năm trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó:

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1922000318 ngày 05-8-2019 là 521.528.155 đồng, trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 42.771.036 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.757.119 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 12-9-2018 là 22.728.713 đồng, trong đó nợ gốc là 16.878.382 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.850.331 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12-12-2020) cho đến khi thi hành án xong ông Ngô Như T và bà Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh Q-Phòng giao dịch H.

3. Trường hợp ông Ngô Như T và bà Trần Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng và tài sản gắn liền với thửa đất số 758, tờ bản đồ số 1, diện tích 212m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn P, xã N, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317 ngày 24-5-2016; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-01 ngày 06-8-2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1614400317-02 ngày 05-8-2019 và cam kết thế chấp ngày 10-8-2019 tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải chịu nhưng Ngân hàng thương mại cổ phần S đã tạm ứng và chi phí xong nên buộc ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

5. Về án phí: Ông Ngô Như T và bà Trần Thị H phải chịu 25.770.000đ (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 11.688.000đ (Mười một triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0003435 ngày 20-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hồng Hoa**